

- Bị hại: Công ty Cổ phần N1, địa chỉ: Số D L, phường P, quận Đ, TP Hà Nội; đại diện bị hại tham gia tố tụng: Ông Đàm L, sinh năm 1972 – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Phạm Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường N, TP Đ, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10 tháng 10 năm 2022, Công ty Cổ phần N1 thành lập địa điểm kinh doanh tại Số A Đường Q, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ngày 03/10/2022 ký hợp đồng lao động, bổ nhiệm Dương Thị T giữ chức vụ Cửa hàng trưởng địa điểm kinh doanh tại Quảng Bình. Với nhiệm vụ tổ chức, sắp xếp, quản lý, điều hành toàn quyền trong công tác nhập, xuất, quản lý tồn kho, giao nhận hàng hóa đến tay khách hàng và thu hồi công nợ. Theo quy định tại điểm 11 Phần A mô tả công việc của Trưởng chi nhánh, địa điểm kinh doanh quy định: Tồn quỹ tiền mặt tại chi nhánh/địa điểm kinh doanh lớn hơn 20 triệu đồng thì chậm nhất 09h00 ngày hôm sau, kế toán hoặc người phụ trách chi nhánh/địa điểm kinh doanh phải chuyển tiền về tài khoản của thủ quỹ công ty, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì chậm nhất trước 09h00 ngày làm việc đầu tiên của ngân hàng.

Thực hiện nhiệm vụ, từ ngày 26/10/2022 đến ngày 03/7/2023, Dương Thị T đã điều hành địa điểm kinh doanh, tiếp nhận hàng hóa (nhôm) từ Công ty cổ phần N1 với tổng giá trị doanh thu là 13.787.219.890 đồng về địa điểm kinh doanh tại Quảng Bình rồi xuất bán, thu tiền của khách, báo cáo tài chính về công ty. Quá trình hoạt động, từ ngày 26/10/2022 đến ngày 08/6/2023, Dương Thị T đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định. Tuy nhiên, từ ngày 09/6/2023 đến ngày 03/7/2023, T đã nhiều lần xuất bán hàng hóa và thu tiền từ nhiều khách hàng nhưng không chuyển hết về tài khoản thủ quỹ công ty mà đã nhiều lần chiếm đoạt số tiền 985.450.359 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

1. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, số máy MWFG2LL/A, IMEI 352851112735089, máy đã qua sử dụng;

2. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu vàng, IMEI 1: 356446084940084, IMEI 2: 356447084940082, máy đã qua sử dụng

3. 01 (một) quyển vở ô ly H1; 01 (một) tờ giấy A4; 01 (một) tờ lịch Thứ 6 ngày 10 tháng 8 năm 2018; 01 (một) tờ giấy ôli.

Phần dân sự. Trước khi bị tố giác Dương Thị T đã tự nguyện trả cho Công ty số tiền 73.761.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt 911.689,359 đồng, Công ty cổ phần N1 đề nghị Dương Thị T có trách nhiệm trả lại cho Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2024/HS-ST ngày 29-8-2024 và Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 361/2024/TB-TA ngày 09-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Thị T phạm tội “Tham ô tài sản”
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Thị T 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/01/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 BLDS

Buộc bị cáo Dương Thị T bồi thường số tiền 911.689.359 (*chín trăm mười một triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi chín*) đồng cho Công ty cổ phần N1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý tang vật, quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 05-9-2024 bị cáo Dương Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ về phần hình phạt.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 60/QĐ-VC2 ngày 23-9-2024, kháng nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự; đồng thời buộc người có nghĩa vụ liên quan Phạm Thị H phải trả lại số tiền 985.450.359 cho Công ty cổ phần N1.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Dương Thị T giữ nguyên kháng cáo về hình phạt, trình bày lý do kháng cáo là bị cáo có con còn nhỏ, đã bồi thường một phần cho bị hại. Người bào chữa cho bị cáo trình bày tranh luận trong trường hợp chấp nhận Kháng nghị

thì đề nghị Hội đồng xét xử xem đây là việc bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả của bị cáo, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Người có nghĩa vụ liên quan bà **Phạm Thị H** cho rằng bị cáo **Dương Thị T** chuyển tiền trả nợ cá nhân, thời điểm đó bà không biết số tiền bị cáo có được là do phạm tội. Nếu buộc bà nộp lại thì bà cũng bị thiệt hại nên không đồng ý nộp lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm để áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự; đồng thời buộc người có nghĩa vụ liên quan **Phạm Thị H** phải trả lại tiền cho **Công ty cổ phần N1**.

Đối với đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Bản án hình sự sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ và không có cơ sở nên không chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi phạm tội:

Từ ngày 09/6/2023 đến ngày 03/7/2023 với nhiệm vụ, quyền hạn được giao là Cửa hàng trưởng địa điểm kinh doanh tại Quảng Bình, địa chỉ tại **A đường Q, phường P, thành phố Đ**, **Dương Thị T** đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, nhiều lần chiếm đoạt tổng số tiền 985.450.359 đồng của **Công ty cổ phần N1** để sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi của bị cáo **Dương Thị T** đã

phạm vào tội “*Tham ô tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng cáo về hình phạt:

Bị cáo đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình là được tổ chức, sắp xếp, quản lý, điều hành toàn quyền trong công tác nhập, xuất, quản lý tồn kho, giao nhận hàng hóa đến tay khách hàng và thu hồi công nợ. Song, quá trình thực hiện công tác thu tiền bán hàng theo nhiệm vụ được giao, **Dương Thị T** đã nảy sinh vụ lợi cá nhân, nên chỉ báo cáo, chuyển tiền về công ty nhập quỹ không đầy đủ, giữ lại số tiền 985.450.359 đồng để chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công ty được pháp luật bảo vệ.

Về tình tiết tăng nặng: Quá trình thực hiện thu tiền bán hàng hóa của các khách hàng trong và ngoài tỉnh, bị cáo **Dương Thị T** thu tiền của nhiều cá nhân, tổ chức và thực hiện chiếm đoạt nhiều lần trong năm 2023, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản. Do đó, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo **Dương Thị T** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng thời sau khi bị công ty phát hiện, bị cáo **Dương Thị T** đã tự nguyện trả lại cho công ty số tiền 73.761.000 đồng để bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Ngoài ra, bà **Lê Thị B** (mẹ của bị cáo) là người có công với cách mạng; trong năm 2020 tỉnh Quảng Bình chịu nhiều thiệt hại do thiên tai (lũ lụt), dịch bệnh Covid-19 bùng phát, **Dương Thị T** đã có các hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ những gia đình khó khăn, bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bản án hình sự sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ khi quyết định hình phạt; tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[4] Xem xét kháng nghị:

Quá trình điều tra, truy tố đã xác định được số tiền mà **Dương Thị T** chiếm đoạt của **Công ty Cổ phần N1** đã được chuyển qua tài khoản ngân hàng cho bà **Phạm Thị H** trong khoảng thời gian từ ngày 09-6-2023 đến 01-7-2023. Theo lời khai của bà **H** thì số tiền này là do bị cáo trả nợ cho **H**. Nhưng đây là số tiền bị cáo do phạm tội mà có và chuyển khoản; đến nay bị cáo còn phải chịu trách nhiệm đối với số tiền còn lại phải trả là 911.689.359 đồng. Đây là tài sản liên quan trực tiếp đến tội phạm, là tài sản của bị hại đang bị thiệt hại số tiền còn lại là

911.689.359 đồng nên cần thu hồi để trả lại cho bị hại. Kháng nghị là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với nội dung kháng nghị buộc bị cáo phải chịu phạt bổ sung; tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự quy định “*người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm...*”; nội dung kháng nghị là có căn cứ nên được chấp nhận phạt bổ sung cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi bị tố giác thì bị cáo **Dương Thị T** đã tự nguyện trả cho Công ty số tiền 73.761.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt 911.689,359 đồng và **Công ty cổ phần N1** đề nghị trả số tiền còn lại cho Công ty theo đúng quy định của pháp luật là hoàn toàn có căn cứ. Do đó, cần thu hồi số tiền này từ bà **Phạm Thị H** để hoàn trả cho **Công ty cổ phần N1**. Bà **H** chỉ là người giữ tiền và phải trả lại, còn lỗi và hành vi xâm phạm hoàn toàn thuộc về bị cáo, nên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Dương Thị T**; chấp nhận toàn bộ Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 49/2024/HS-ST ngày 29-8-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo **Dương Thị T** 17 (mười bảy) năm tù về tội “Tham ô tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03-01-2024.

Áp dụng khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự, cấm **Dương Thị T** đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; buộc bà **Phạm Thị H** nộp lại số tiền 911.689.359 (*chín trăm mười một triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi chín*) đồng để hoàn trả cho Công ty cổ phần N1.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của **U** về án phí, lệ phí.

Buộc bị cáo **Dương Thị T** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 39.350.680 đồng và án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Các quyết định còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét theo thủ tục phúc thẩm, việc thi hành án được thực hiện theo bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định của Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Tấn Long

